Số: 881/QĐ-UBND
Thời gian ký: 23/03/2023 18:50:36 +07:00

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đvt: triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán đã giao tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh (kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo (vốn sự nghiệp)	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng	**13.378,5**	**10.454,5**	**-10.454,5**	**13.378,5**	
I	**Sự nghiệp kinh tế**	**7.673**	**6.975**	**-6.975**	**7.673**	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7.673		-6.975	698	
2	Sở Nông nghiệp và PTNT		2.066		2.066	
3	Sở Y tế		645		645	
4	Thành phố Quy Nhơn		96		96	
5	Huyện Tuy Phước		164		164	
6	Thị xã An Nhơn		131		131	
7	Huyện Phù Cát		202		202	
8	Huyện Phù Mỹ		185		185	
9	Thị xã Hoài Nhơn		148		148	
10	Huyện Hoài Ân		272		272	
11	Huyện Tây Sơn		272		272	
12	Huyện Vân Canh		280		280	
13	Huyện Vĩnh Thạnh		304		304	
14	Huyện An Lão		2.210		2.210	
II	**Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo**	**5.123,5**	**3.011,5**	**-3.011,5**	**5.123,5**	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5.123,5		-3.011,5	2.112,0	
2	Sở Y tế		19		19	
3	Sở Thông tin và Truyền thông		49,5		49,5	
4	Sở Nông nghiệp và PTNT		4,5		4,5	
5	Sở Xây dựng		4,5		4,5	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư		4,5		4,5	
7	Sở Tài chính		4,5		4,5	
8	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ QN		313		313	
9	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định		305		305	
10	Thành phố Quy Nhơn		64		64	
11	Huyện Tuy Phước		259		259	
12	Thị xã An Nhơn		85		85	
13	Huyện Phù Cát		121		121	
14	Huyện Phù Mỹ		115		115	
15	Thị xã Hoài Nhơn		92		92	
16	Huyện Hoài Ân		413		413	
17	Huyện Tây Sơn		165		165	
18	Huyện Vân Canh		186		186	
19	Huyện Vĩnh Thạnh		197		197	
20	Huyện An Lão		610		610	

STT	Đơn vị	Dự toán đã giao tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh (kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo (vốn sự nghiệp)	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
III	**Sự nghiệp văn hóa thông tin**	**582**	**468**	**-468**	**582**	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	582		-468	114	
2	Sở Thông tin và Truyền thông		339		339	
3	Thành phố Quy Nhơn		5		5	
4	Huyện Tuy Phước		9		9	
5	Thị xã An Nhơn		7		7	
6	Huyện Phù Cát		11		11	
7	Huyện Phù Mỹ		10		10	
8	Thị xã Hoài Nhơn		8		8	
9	Huyện Hoài Ân		15		15	
10	Huyện Tây Sơn		15		15	
11	Huyện Vân Canh		15		15	
12	Huyện Vĩnh Thạnh		16		16	
13	Huyện An Lão		18		18	